

VÕ HỌC BÌNH ĐỊNH

Đào Đức Chương

Mảng vui Hương Thủy, Ngự Bình
Ai vô Bình Định với mình thì vô
Chẳng lịch bằng đất kinh đô
Nhưng Bình định không đồng khô cỏ cháy
Ba dòng sông chảy
Bảy dãy non cao
Biển Đông sóng vỗ dạt dào
Tháp xưa làm bút ghi tiếng anh hào vào mây xanh...

Câu ca dao trên là bức tranh phác họa miền Đất Võ, xứ Bình định. Đó là miền đất cách Kinh thành Huế 407 cây số về phía đông nam, có ba mặt núi non hiểm trở. Phía tây dựa lưng vào dãy Trường sơn trùng điệp, phải qua đèo An Khê dốc đứng, vượt sông Ba rồi lên đèo Măng giang mới tới được vùng Tây nguyên. Phía bắc có dãy Thạch tán nối từ Trường sơn ra tận biển, ngăn cách hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình định, chỉ còn thông nhau qua đèo Bình đê. Phía nam có dãy Nam sơn, còn gọi là núi Bình san, với các ngọn như hòn Ông, hòn Bà (cao 1100 mét), hòn Am, hòn An tượng, ngăn cách Bình định và Phú yên. Muốn vào nam phải vượt đèo Cù mông. Phía đông giáp biển, trải dài 100 cây số. Bờ biển lại gập ghềnh, lồi lõm với nhiều cửa như Thiện chánh, Cà công, Hà ra, Phú thứ, Đề gi, Thị nại.

Bình định có hai con sông lớn chắn ngang. phía bắc là sông Lại giang, còn gọi là Lại dương, bắt nguồn từ hai vùng núi An lão và Kim sơn, đổ ra biển qua cửa An giữ. Phía nam cũng có một sông tương xứng: sông Côn, chia làm ba nhánh chảy vào đầm Thị nại.

Ngoài ba dãy núi và hai sông chính, Bình định còn nhiều nhánh núi tẻ ra từ dãy Trường sơn và có sông La tinh nằm vắt ngang giữa tỉnh. Núi, sông xen kẽ với đồng bằng, tạo cho miền này một địa hình phức tạp.

Các nhà phong thổ học nhìn cuộc đất Bình định như một cái ngai vàng khổng lồ. Tay vịn phía tả là dãy Thạch tán. Tay vịn phía hữu là dãy Nam sơn. Lưng dựa là dãy Trường sơn, mặt quay về hướng đông lòng lõng trời cao biển cả. Rải rác đó đây là những ngọn tháp Chăm còn sót lại. Ở huyện Phù cát có tháp Phúc Lộc tục gọi là Phốc Lốc. An nhơn có tháp Cánh Tiên. Tuy phước có chù tháp Bánh Ít, tháp Thanh trúc ở Bình lâm, tháp Long triều ở Xuân mỹ. Qui nhơn có tháp Đồi. Bình Khê có tháp Thủ thiện và chù tháp Dương long. Những tháp cổ cao vút lên nền trời, trông như những cây bút khổng lồ "ghi tiếng anh hào vào mây xanh".

Với bốn mặt núi sông biển vây phủ, lại thêm thiên tai bão lụt thường xuyên, người dân miền này muốn sinh tồn phải cần thích ứng với miền đất hiểm trở, đầy bất trắc. Đây là nhân tố để cho võ nghệ Bình định nẩy nở. Rồi ngành dệt phát triển, nghề chạm cần tinh vi, lại có những đặc sản như bánh tráng, bún Song Thăng, nón Gò Găng, gồm Chợ Gồm, ngói Phú phong... Hải sản Bình định thì quá dư dả, cần phải thông ra ngoài, tìm thị trường tiêu thụ hoặc trao đổi:

*Ai về nhẩn với nậu nguồn
Măng le gỏi xuống, cá chuồn gỏi lên*
(Ca dao)

Thời trước buôn bán với "nậu nguồn" là quan trọng hơn cả. Lướt lên mang cá khô, mắm, muối. Chuyển về chở măng le, trầu nguồn, rễ nài. Vốn một lời mười. Tổ phụ của Nguyễn Nhạc là Hồ Lang, chuyên nghề buôn bán trầu nguồn. Đến thời Hồ Phi Phúc, rồi Nguyễn Nhạc cũng nối nghiệp cha ông. Số người buôn bán hàng chuyển rất đông. Chở hàng ra Quảng, vào Nam, lên Tây nguyên đều có cả. Vì vậy võ nghệ cần được phổ biến và phát huy để hộ tống hàng hoá vượt đèo, qua sông, vừa chống chọi với mãnh thú, vừa đề phòng nạn trộm cướp dọc đường hoặc ngay tại nhà. Không những đàn ông mà ngay cả đàn bà, trẻ con cũng phải học võ hộ thân và bảo vệ tài sản, đã trở thành một truyền thống:

*Ai về Bình định mà coi
Con gái Bình định múa roi, đi quyền*
(Ca dao)

Tuy vậy, dòng chảy của Võ học Bình định cũng có những thăng trầm, qua các giai đoạn sau đây:

THỜI KỲ MỞ MANG (1470-1558)

Năm Canh Thìn (1470), Hồng Đức nguyên niên, vua Chiêm là Trà Toàn đem quân đánh phá đất Hóa châu, và sai người sang Tàu cầu viện nhà Minh. Vua Lê Thánh Tông tự cầm quân, đem đại binh 20 vạn quân đánh Chiêm thành, phá được kinh đô là thành Đồ Bàn (Vijaya) và chiếm đất đến đèo Cù Mông. Từ đây, miền này được sát nhập vào đạo Quảng nam, đặt tên là phủ Hoài Nhơn gồm ba huyện là Bồng Sơn, Phù Ly và Tuy Viễn.

Dân các tỉnh Bắc kỳ, nhất là người Hà Đông và các tỉnh miền Bắc Trung phần vào đây lập nghiệp. Họ đến lập vào chỗ trống vì có một số người Chiêm thành đã rút về phía nam. Để sinh tồn, họ góp nhóp vốn liếng võ nghệ của cổ hương, pha trộn với các thể võ của người Chiêm, của dã thú, của gà đá... rồi sửa đổi, sàng lọc, ứng chế cho hoàn toàn thích hợp với hoàn cảnh, địa thế của quê hương mới. Đầu tiên, hai thể võ được thông dụng là lối đánh bằng tay chân gọi là quyền và lối đánh bằng cây gọi là roi. Họ dùng khúc cây vừa làm đòn gánh vừa là vũ khí hộ thân. Gánh, có thể chịu sức nặng gấp ba lần trọng lượng của mang xách mà vẫn đi được xa. Đòn gánh làm bằng gốc tre già, vừa chắc vừa dẻo, tiện cả hai mặt: gánh thì êm vì đòn nhún theo nhịp đi; đánh lại bền vì cây roi không bị gãy hay giáp bể. Đó là những năm tháng dài, hình thành một nền võ thuật mới mẻ, độc đáo, được cả nước quen gọi là võ Bình Định.

THỜI KỲ PHÁT TRIỂN (1558-1771)

Từ cuối năm Mậu Ngọ (1558), Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hoá, lập nên xứ Nam Hà, cho đến năm Tân Mão (1771) Tây Sơn khởi nghĩa. Trong ngót hai thế kỷ, võ Bình Định đã tiến một bước dài, phát triển đầy đủ các môn binh khí và đi vào nề nếp. Sự kiện chàng Lía xảy ra trong thời kỳ này còn lưu lại một bài về dài 1336 câu, chia làm 6 đoạn, đã phản ánh phần nào tình trạng võ nghệ ở Bình Định lúc bấy giờ.

Kết hợp nội dung bài về và lời truyền tụng của dân chúng về cuộc đời của Lía, nhân vật tiếng tăm ấy có tên thật là Võ Văn Đoan, nhưng người đời quen gọi thân mật là chú Lía, quê nội ở huyện Phù Ly nay là Phù Mỹ, cha mất sớm, Lía theo mẹ về quê ngoại tại làng Phú Lạc, tổng Thời Hòa, huyện Tuy Viễn, sau là thôn Phú Lạc, xã Bình Thành, quận Bình Khê (nay đổi huyện Tây Sơn). Nhà nghèo, mẹ thường đau yếu, Lía lại còn nhỏ không làm ra tiền để nuôi mẹ. Nhiều lần Lía đến các nhà phú hộ xin bát cơm thừa hay xin được họ thuê mướn, nhưng bị từ chối và còn bị mắng nhiếc thậm tệ. Lía tự nhủ: "*Dốc lòng cố giữ lòng thành, Mà trời chẳng giúp phải đành lòng tham*" (về chú Lía) nhỏ nhặt sản khoai để cứu sống mẹ qua cơn ngặt nghèo.

Một hôm, Lía vào trộm gà vịt của một nhà phú hộ, bị bắt quả tang, họ trói và đánh đập tàn nhẫn trước khi giải cho hương chức để chịu một trận đòn thừa chết thiếu sống khác. Từ đây Lía nuôi trong lòng mối hận thù kẻ giàu có và bọn cường hào ác bá.

Có một hương sư, thương cho tình cảnh của Lía, bèn mướn chăn trâu. Ngày ngày Lía thả trâu ăn cỏ trên các sườn đồi. Nhân có các võ sư thường đem môn sinh đến mé núi dạy võ, Lía ghé mắt học lóm và tiếp thu rất nhanh, thấy đâu nhớ đó. Nhờ có sức mạnh phi thường, thêm năng khiếu về võ nghệ, lại thông minh sáng tạo, một hôm thấy con cá lóc nhảy từ dưới thấp lên ruộng cao, Lía học được ngay:

*Lía ta thấy vậy tức cười
Khen con cá lóc võ hồi tài ba
Chớ chi cá lóc dạy ta
Học theo miếng đó, thiệt là mang ơn*

và chịu khó tập luyện thành thạo:

*Nhảy cao như Lía thiệt tài
Nóc nhà nhảy khỏi ai ai cũng nhường*

Từ ấy bọn chăn trâu trong vùng tôn Lía làm "vua", chỉ có thằng Mướp không chịu phục, muốn đấu võ với Lía, ai thắng mới chính thức lên ngôi vị:

*Mướp ta cầm một khúc cây
Đánh nam đỡ bắc mùa may loạn trào*

Nhưng hán không đủ sức chống đỡ ngọn roi khốc liệt

*Đường cơn toàn vẹn trăm bề
Múa lên giông tố tiếng nghe vù vù*

nên Lía đã lỡ tay đập vỡ đầu thằng Mướp chết ngay tại chỗ.

Lía hoảng sợ, bỏ vào rừng trốn biệt. Bọn lục lâm từng nghe danh Lía, bèn mời về sơn trại. Sau đó Lía cầm đầu một đảng cướp nổi tiếng. Nhưng Lía chỉ đánh cướp những nhà giàu có mà gian ác hay những nhà của bọn tham quan ô lại. Nếu chủ nhà biết điều, nộp tiền của và không chống cự, Lía chỉ lấy hai phần ba của cải, một phần để lại cho chủ. Tài sản cướp được, Lía đem về sơn trại một nửa, nửa kia phân phát cho dân nghèo trong vùng. Lía cấm đàn em không được sách nhiễu dân chúng, cấm chặn đường cướp giật bừa bãi hoặc thu tiền mãi lộ. Đối với bọn cường hào có thành tích hà hiếp dân đen, Lía cho thủ hạ trừng trị làm gương. Nhờ thế tuy là tướng cướp, Lía vẫn được dân chúng ủng hộ và che giấu. Chính quyền địa phương tuy tốn nhiều thì giờ và công sức mà vẫn không dẹp được đảng cướp của Lía. Các nhà giàu trong tỉnh lo sợ, bèn muốn võ sư canh giữ tài sản và tập luyện võ nghệ cho gia nhân, tạo cho tỉnh nhà một số đông người rành võ nghệ và gây thành phong trào học võ.

Nhưng rồi Lía cũng chán đời thảo khấu, nhất là biết được mẹ già qua đời vì buồn phiền về Lía, Lía buồn bã già từ sơn trại ở vùng Phú phong huyện Bình Khê, đi về mạn bắc định tìm đến một nơi xa lạ, sống đời lương thiện. Thế nhưng, việc võ nghệ là nghiệp chướng đeo đuổi mãi. Trên đường ra Quảng Ngãi, Lía phải qua Truông Mây dài độ vài cây số, hai bên mây rừng bao phủ dày đặc. Truông Mây, còn gọi là Hóc Sầu, nằm trên hai thôn, đầu bắc là Phú thuận, đầu nam là Vĩnh hòa, thuộc Tổng Hạ, huyện Bồng sơn phủ Hoài nhơn (còn có tên là phủ Qui nhơn và Qui ninh), nay thuộc xã Ân đức, huyện Hoài ân, tỉnh Bình định. Địa thế Truông Mây rất hiểm trở, phía đông và đông nam gặp nhánh sông Kim sơn chảy từ nam ra bắc, quanh năm nước xanh lè như màu lá, phía tây núi non trùng điệp và có hòn Núi Một tách ra, sừng sững như chiếc bình phong. Nơi đây Lía bị một bọn cướp chặn đường nên phải ra tay. Hàng chục tên cướp ngã gục. Chúng hoảng sợ, vội phi báo với chủ trại là cha Hồ và chú Nhẫn. Lại một phen Lía phải tỉ thí với hai tên đầu sỏ toán cướp:

*Cự đương một đánh với hai
Tả xung hữu đột bụi bay mù trời*

Gặp ngọn roi thần của Lía, bọn chúng phải bái phục:

*Lía càng sung sức hoành hành
Cha Hồ chú Nhẫn thất kinh đuổi rồi*

Và rước về sơn trại rồi nhường chức thủ lĩnh cho Lía.

Trong thời kỳ này đã có những cao thủ thuộc giới nữ lưu:

*Mụ Mân khoảng độ bốn hai
Lâu thông võ nghệ ít ai sánh bì*

Đến nỗi trình độ võ như cha Hồ chú Nhẫn hiệp sức lại vẫn không thắng nổi:

*Phút thôi Hồ, Nhẫn cả hai
Đuối tay kéo chạy như bay khác nào*

Nhưng khi gặp đường roi của Lía, mụ Mân không thể áp đảo được:

*Lía ta bình tĩnh đối đang
Mụ Mân tuy giỏi khó toan vầy vùng*

Rồi Lía dùng độc chiêu để hạ địch thủ:

*Cầm chùng mụ đánh một hồi
Lía gạt đao gãy, đá bồi một chân*

Và cũng từ ngày được tôn làm chủ soái Truông Mây, Lía đã ra lệnh cho thủ hạ phải triệt để áp dụng tôn chỉ của mình. Truông Mây không còn là chỗ cướp bóc bừa bãi khách bộ hành nữa mà trái lại còn bảo vệ người qua đường khỏi bị ác thú hãm hại. Nhờ vậy đảng cướp được dân chúng có cảm tình, được nhiều người gia nhập và tiếng đồn về Lía vang dội khắp vùng:

*Lía ta nổi tiếng anh hào
Sơn hà một góc thiếu nào người hay
Bạc tiền thừa đủ một hai
Chiêu binh mãi mãi càng ngày càng đông
Làm cho bốn biển anh hùng
Mến danh đều tới phục tùng chân tay*

Mục tiêu đánh cướp của Lía nhằm vào những:

*Kẻ nào tàn ác lâu nay
Lía sai cướp của đoạt tài chẳng dung
Nhà giàu mấy tỉnh trong vùng
Thấy đều kinh sợ vô cùng lo toan*

*Nhất nhì những bậc nhà quan
Nghe chàng Lía dọa kinh hoàng như điên
Nhà nào nhiều bạc dư tiền
Mà vô ân đức, Lía đều đoạt châu*

Có binh hùng tướng mạnh, Lía cho sửa sang sơn trại thành đồn lũy, luyện tập đàn em thành thạo các môn quyền, roi, đao, kiếm, siêu, thương, cung, nỏ...

*Lía nay ở chốn sơn trung
Ngày đêm luyện tập ung dung chén nồng
Từ một đảng cướp, Lía đã tạo thành một lực lượng vũ trang có tổ chức, biết tự túc tự cường:
Lâu la mấy vạn tụ đông
Võ rừng làm rẫy vun trồng bắp khoai*

Triều đình phái một đội quân đông đảo đến đánh dẹp
*Truyền cho mười vạn binh hùng
Dưới cờ đại tướng binh nhung lên đường*
Lía đã đón quan binh bằng chiến thuật bất ngờ, nhanh như một đường roi bí hiểm:
Lâu la kén đủ năm ngàn

*Thình lình cướp trại đánh ngang quân trào...
Đại tướng thoát trận thoát nài
Về trào chịu tội mất thành binh tan*
Lần này, không thể xem thường Lía như đám giặc cỏ, triều đình phải cử một tướng lĩnh tài ba:
Đô đốc võ nghệ vẹn toàn

*Quân binh hùng dũng chiến tràng đua tranh
Lía bèn giục ngựa ra thành
Quyết cùng đô đốc giao tranh so tài
Đôi bên xáp chiến cả ngày
Bất phân thắng bại khen thay anh hào*
Nhưng rồi Lía không làm sao giữ nổi thành trong thời gia dài:

*Tính toan thành khó giữ nào
Bởi chưng quân ít không sao chống kinh
Lía ngầm muốn tính bỏ thành
Ngặt vì binh tướng trào đình phủ vây*
Lía đã dùng ngón võ tuyệt vời để thoát thân:

*Còn nguy chuyển hết sức thần
Dùng miếng "cá lóc" giậm chân nhảy liền
Quân trào vây kín khắp miền
Lía vọt ra khỏi rất nên kỳ tài*

Trên đây là những câu trích trong về Chú Lía cho thấy võ học Bình định ở thời kỳ này đã thịnh hành và đóng vai trò then chốt trong chiến đấu.

Chàng Lía là một Robin Hood của Bình định. Triều đình đã dẹp yên đảng cướp ở Truông Mây, nhưng tình cảm của dân chúng đối với chú Lía mãi mãi đi vào văn học:

*Chiều chiều én liệng Truông Mây
Cảm thương chú Lía bị vây trong thành*

THỜI KỲ CỤC THỊNH (1771-1802)

Từ năm Tân Mão (1771), Nguyễn Nhạc dựng cờ khởi nghĩa ở Gò Tô đất Tây sơn đến năm Nhâm Tuất (1802), vua Quang Toản bị bắt ở huyện Phượng nhãn tỉnh Bắc ninh, nền võ học Bình định mở ra một kỷ nguyên mới. Đó là võ Tây Sơn.

Tam kiệt Tây Sơn gồm Nguyễn Nhạc (?-1793) anh cả, Nguyễn Huệ (1753-1792) anh thứ, và Nguyễn Lữ (?-1788) em trai út, người làng Kiên mỹ đất Tây sơn, sau này là thôn Kiên mỹ, xã Bình thành, huyện Bình Khê (nay đổi huyện Tây sơn).

Họ Nguyễn Tây Sơn nguyên là họ Hồ, dòng dõi Hồ Quý Ly. Ông tổ bốn đời là Hồ Phi Khanh ở huyện Hưng nguyên tỉnh Nghệ an. Năm Ất Tỵ (1655), Trịnh Nguyễn giao tranh lần thứ năm, quân Nguyễn tấn công Nghệ an. Hồ Phi Khanh cùng một số dân chúng bị quân Nguyễn bắt đem vào phủ Qui ninh huyện

Tuy viễn để khai hoang. Ông đến ở làng Bằng châu (nay thuộc xã Đập Đá huyện An Nhơn) được họ Đinh đỡ đầu, gầy dựng. Đời con là Hồ Lang, đời về làng Phú lạc xã Bình thành. Đời cháu là Hồ Phi Phúc, đời qua làng kế cận là Kiên mỹ. Nơi đây, ba anh em Tây Sơn ra đời, trước theo họ cha, sau đổi ra họ mẹ là họ Nguyễn.

Lúc nhỏ, anh em Tây Sơn được học chữ Hán với thầy giáo Hiến, một bậc tài danh bất mẫn vì chế độ thối nát, nạn Trương Phúc Loan chuyên quyền, tham tàn.

Sau đó, anh em Tây sơn học võ với võ sư Đinh Văn. Nhưng thường gọi là ông Chưởng, người làng Bằng châu. Thầy võ là người bộc trực, gan dạ và ngang ngạnh nhất vùng, chẳng hề kiêng nể bọn cầm quyền. Ông tự phong "Chưởng chưởng ngang thiên". Câu ví von của người đương thời "Ngang quá ông Chưởng" nay đã trở thành tục ngữ. Ba anh em được thầy yêu quý, dạy cho nhiều thể võ bí truyền. Thấy được sự lợi hại của võ Bình định, tam kiệt Tây Sơn đã đem võ thuật vào chiến thuật trong cuộc khởi nghĩa và phát huy võ học Bình định đến mức cực thịnh.

Trong binh đội Tây Sơn, mỗi chiến sĩ là một võ sĩ. Sự huấn luyện quân đội, cơ bản là tập võ nghệ. Người lính phải biết sử dụng tất cả, hoặc một số các binh khí truyền thống sau đây:

1.- Quyền: lối đánh võ bằng tay chân, còn gọi là thảo bộ. Quyền gồm nhiều thảo bộ, chẳng hạn như : thảo bộ Phụng Hoàng, Tứ Hải, Thiên Sư, Ngọc Trản, Thần Đồng, Lão Mai, Độc Thọ...

Hề quyền giỏi thì roi cũng giỏi. Vì vậy quyền là môn võ tối cần. Quân Tây Sơn đã dùng chiến pháp sở trường này trong khi xung phong giáp lá cà, thanh toán chiến trường.

2.- Roi: lối đánh võ bằng gậy, còn gọi là côn. Roi không nên lớn quá hoặc nhỏ quá, phải vừa cỡ tay nắm người sử dụng thì đường roi mới mạnh và nhanh. Có hai loại: roi trường và roi đoản. Roi trường là roi trện, dài khoảng 2,50 mét, đầu lớn là đốc roi, đầu nhỏ là ngọn roi. Người sử dụng roi trường ngồi trên ngựa và chỉ đánh một đầu. Roi đoản là roi đầu, dài "tề mi" tức là ngang lông mày người sử dụng (chừng 1,60 mét). Roi đầu cầm ở giữa thân roi nên có thể đánh cả hai đầu. Chẳng hạn đầu roi bỏ xuống như trời giáng khiến đối thủ lo chống đỡ , nhưng đó chỉ là cú đánh hư. Trong lúc ấy, nhanh như chớp đốc roi thúc mạnh vào hạ thể đối thủ, đó mới là cú đánh thực. Ngày xưa, các võ sĩ thường vắt vai một khăn lông to và dài, gấp khi bắt trặc, có thể dùng khăn thế roi, gọi là roi nhuyễn tiên, không phải là để đánh mà để "vung roi" che mắt đối thủ rồi xông vào hất tung binh khí.

3.- Song sĩ: hai cây gỗ cứng kẹp dọc cẳng tay, ló ra ở hai đầu. Khi đâm hay thúc cùi chỏ thì đầu nào của song sĩ cũng có thể ấn sâu vào cơ thể của đối thủ.

4.- Dao: để chém và đâm. Nếu dao có lưỡi bè ra rất lớn thì gọi là đại đao.

5.- Kiếm: gồm độc kiếm và song kiếm, lưỡi dài nhưng không quá 1 mét.

6.- Siêu: giống như đao, nhưng cán dài. Thể võ kết hợp giữa kiếm và roi.

7.- Thương, giáo, mác, lao đều có cán dài, dùng để đâm, đánh và phóng.

8.- Xà mâu, đinh ba, bừa cào đều có cán dài nhưng đầu có nhiều nhánh, đường võ chậm chạp, ít thông dụng.

9.- Lăng, khiên: tròn dẹp, có tay nắm ở tâm điểm; dùng để che đỡ khi lâm trận.

10.- song chùy: hình cầu bầu dục, xẻ răng cưa như cạnh khế, có cán nắm, dùng để đánh, cũng ít sử dụng.

11.- Dây xích bằng sắt dùng để quất, lợi thế như một cây roi.

12.- Cung, nỏ, nỏ dùng để bắn tên khi đối thủ còn ở xa.

Một đặc điểm của võ Tây Sơn là mỗi thể võ đều có bài thiệu đi kèm, tức là phần lý thuyết được diễn thành thơ có vần, có điệu cho dễ đọc, dễ nhớ. Người học võ, phải thuộc lòng bài thiệu, đọc đến đâu múa đến đó, lý thuyết ăn khớp với thực hành. Lối học võ này rất tiện cho việc luyện tập nhiều người cùng một lúc, được áp dụng trong trường huấn luyện quân đội của Tây Sơn.

Thời ấy còn sáng chế ra điệu trống trện Tây Sơn. Người đánh, cùng một lúc sử dụng nhiều trống, tới đa 12 cái, và phải dùng thể võ côn quyền mới đánh được. Đánh bằng dùi cả hai đầu, gọi là roi trống, vừa đánh cả hai bàn tay, cổ tay, cùi chỏ, vai... làm cho tiếng trống phát ra những âm thanh khác nhau, nghe rất hùng tráng. Lúc ra trận, dùng hai trống lớn, đánh theo võ nhạc trện, âm thanh vang xa, dồn dập, kích động.

Chiến thuật của Tây Sơn là áp đảo đối phương từ tầm xa đến tầm gần. Xa thì có đại bác đặt trên mình voi. Khi cách mục tiêu chừng 100 mét thì dùng súng trường. Gần thì đến lượt cung nỏ, rồi hỏa hổ. Cuối cùng là xung phong cận chiến, dùng các thể võ để giải quyết chiến trường theo nguyên tắc "nhất nhân địch quần nhân".

Như vậy, đội quân Tây Sơn không cần đông mà cốt ở tinh và dũng cảm. Binh đội gọn nhẹ, di chuyển nhanh chóng, thích hợp với lối tác chiến thần tốc. Đánh nhanh đánh mạnh, hư thực không rõ, bất ngờ thọc

sâu vào kế hớ của địch quân. Chiếm mục tiêu thì dùng tượng binh làm lá chắn, vừa là pháo đài di động cho bộ binh tiến lên. Đó là kỹ thuật tác chiến của Tây Sơn, ảnh hưởng bởi bản chất con nhà võ.

Tương truyền các tướng Tây Sơn đều là những tay võ xuất chúng. Nguyễn Huệ sở trường về roi. Nguyễn Lữ xuất sắc về côn quyền, đã sáng chế ra Hùng Kê quyền, lấy từ các thế võ của gà đá. Võ văn Dũng rất giỏi về đao, người đời có câu truyền tụng

Phá sơn trung tặc, di

Thắng Văn Dũng đao, nan

(Phá được giặc trong núi thì dễ, thắng được ngọn đao của Văn Dũng thì khó)

Đặng văn Long (có sách chép là Mưu) lại quán thông cả cương quyền (ngành công) lẫn miên quyền (nhuệ công) với đôi tay mạnh và cứng như sắt nên người đời thường gọi là Đặng thiết tí. Bùi thị Xuân thì không ai bì kịp về môn kiếm.

Tóm lại, võ Tây sơn là võ truyền thống của Bình định đã được tập hợp và tinh luyện để đưa vào quốc phòng. Võ trở thành chiến lược độc đáo của Tây Sơn, thời huy hoàng nhất của võ học Bình định.

THỜI KỲ ẤN MÌNH (1802-1867)

Năm Nhâm Tuất (1802), Nguyễn Ánh dẹp nhà Tây Sơn và lên ngôi vua, xưng đế hiệu là Gia Long. Không những nhà vua trả thù đã man đối với Tây Sơn mà còn có cả một kế sách lâu dài, nhằm tận diệt tất cả những gì có liên quan đến Tây Sơn. Vì vậy võ Tây Sơn không còn được lưu hành nữa. Các nhà võ rút lui vào bóng tối, chỉ âm thầm truyền dạy cho con cháu. Các bài thiệu cũng phải dấu trong trí nhớ và chỉ truyền miệng trong phạm vi gia đình. Điều trống Tây Sơn im bất trong những ngày lễ hội đông người. Thời kỳ này kéo dài suốt các triều Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị và đầu đời Tự Đức. Vì thế nên võ học Tây Sơn đã bị thời gian làm mai một rất nhiều.

THỜI KỲ TRUNG HƯNG (1867-1924)

Từ khi vua Tự Đức lên ngôi (1847), quân Pháp luôn luôn tìm cách gây hấn với nước ta để có cơ xâm chiếm. Năm 1858, liên quân Pháp và Tây ban nha đánh chiếm bán đảo Sơn trà, Đà nẵng. Năm 1859, thành Gia định thất thủ. Năm 1861, mất Định Tường (Mỹ Tho), đảo Côn lôn và Biên hòa. Năm 1867, Pháp chiếm nốt ba tỉnh miền Tây Nam kỳ là Vĩnh long, An giang, Hà tiên.

Trước tình thế khẩn trương, cần tăng cường quân đội để bảo vệ những phần đất còn lại. Đối với Tự Đức, đề phòng Tây Sơn không còn là việc thiết thực nhưng họa xâm lăng của Pháp thì sờ sờ trước mắt. Vì thế năm 1867, nhà vua cho thành lập trung tâm tuyển chọn võ quan ngay trên miền đất võ. Đó là trường thi Hương võ Bình định tại thôn An thành, tổng Thới đôn, huyện Tuy viễn phủ An nhơn, nay là thôn An thành xã Nhơn lộc huyện An nhơn và chỉ cách trường thi Hương Văn (tại Hòa nghị, xã Nhơn hòa) vài cây số xuyên qua các thôn Trường cửu, Quang châu dọc theo hữu ngạn nam phái sông Côn.

Vốn sẵn truyền thống yêu thích võ nghệ, nay được nhà vua mở trường thi, tuyển chọn nhân tài, các mạch võ ẩn tàng hơn sáu mươi lăm năm qua, giờ đây bùng lên trở hoa kết trái. Các lò võ ở Bình định mọc lên như nấm. Những đêm trăng, trong sân nhà hay trên dãy gò hoang vắng, tốp năm tốp ba, võ sinh miệt mài tập luyện.

Rồi kinh đô thất thủ (1885), vua Hàm Nghi bôn đào và xuống chiếu Cần vương. Võ Bình định đã góp phần vào việc chống Pháp. Lãnh tụ phong trào Cần vương ở Bình định, anh hùng Mai Xuân Thưởng, là một người văn võ song toàn. Trong bài Điều Mai Nguyên Sứ (Mai xuân Thưởng), Nguyễn Bá Huân, một danh sĩ đương thời, đã hết lòng khâm phục:

Đan tâm chỉ vị cứu lương dân

Hoành sóc ngâm thi hữu kỹ nhân

Nhất phó hung khâm hoành vũ trụ

Tam niên cầm kiếm định phong trần...

Tổng Phước Hồ dịch:

Lòng son chỉ muốn cứu lương dân

Vung giáo, ngâm thi mấy kẻ bằng

Một tấm lòng trung trùm vũ trụ

Ba năm đàn kiếm sạch phong trần

Dưới cờ khởi nghĩa của Mai nguyên soái, ở Bình Khê có một dòng võ mà cả ba thế hệ gồm hàng trăm võ sĩ, võ sinh đã theo thầy đứng trong hàng ngũ nghĩa quân. Đó là lò võ Lê Thượng Nghĩa, sư tổ của Hồ Tá Quốc. Hồ Tá Quốc đã ca tụng tay kiếm lợi hại của thầy trong việc cứu nước, qua bài tặng Lê công Thượng Nghĩa:

Lão sư thân thủ nhược du long
Lẫm liệt tu mi khí lực hùng
Tích nhật Cần vương đồng tá quốc
Tây trù trăm tận hiển hùng phong

Đào Văn dịch:

Nhớ thầy đáng tựa rồng bay
Đường gươm nhát kiếm râu mày xứng danh
Theo vua vì nước quên mình
Dẹp tan lũ giặc đình ninh lời nguyên

Trong bài Trường Úc sơn quan đại chiến hậu, hựu đại thắng ư Cẩm Văn thôn hữu cảm (cảm xúc sau khi đánh lớn trên ải Trường úc, lại thắng lớn ở thôn Cẩm văn), sư tổ Lê Thượng Nghĩa cũng đã nói rõ, thắng lớn là nhờ áp dụng võ thuật vào chiến thuật:

Binh nhung hào kiệt vũ Ngô câu
Xung đột trùng vây trăm tặc đầu
Trường úc, Cẩm văn tề báo tiếp
Nghĩa binh thanh giá chấn toàn châu

Việt Thao dịch:

Diệt thù, hào kiệt múa gươm thiêng
Xông phá vòng vây chém giặc liên
Trường úc, Cẩm văn đều thắng lớn
Nghĩa quân lừng lẫy khắp trong miền

Tướng Đặng Đề, cũng người quận Bình Khê (tức huyện Tây sơn), một tay võ nghệ nổi tiếng, đã chỉ huy mặt trận Thủ thiện, cho quân xung phong cận chiến, có trống trận yểm trợ tinh thần y như đạo quân Tây Sơn ngày trước, ông viết:

Thủ thiện thôn trung bễ cổ động
Nghĩa binh phấn dũng vũ đao thương...

Việt Thao dịch:

Thủ thiện, trong thôn trống trận rền
Nghĩa quân dũng cảm giáo vang lên

Năm 1908, làng võ Bình định lại một lần nữa góp phần chống Pháp trong phong trào Kháng thuế tại tỉnh nhà. Các võ sĩ ở An vinh và An thái tham gia rất đông. Họ lãnh trách nhiệm trừng trị bọn tay sai của Pháp và những tên thổ hào dựa vào giặc để nhiều hại dân lành. Căn cứ vào các châu bản triều Duy Tân trong quyển Phong Trào Kháng Thuế Miền Trung năm 1908 của Nguyễn Thế Anh (xuất bản tại Sài gòn năm 1973) thì ở huyện Bình Khê có Hà Khuê, Hồ Cường, Lê Lý, Lê Hữu, Lê Thức, Võ Nghiệp... đã lùng kiếm các viên chức đặc lực của chính phủ Bảo hộ để trừng trị, tiêu biểu có tên Vinh và Giao bị nịch sát. Ở vùng An vinh (Bình Khê) và An thái (huyện Tuy viễn) có Nguyễn văn Khải lý trưởng An vinh, đã chỉ huy toán bắt cóc bọn tay sai cho giặc, tiêu biểu có tên Uẩn đền tội, xác thả trôi sông. Ở huyện Phù cát có Nguyễn Hoành đã tổ chức ám sát hai tên gian ác là Bá và Tường do phủ phái tới. Ở huyện Bồng sơn có Đỗ Dương, Nguyễn Diễm, Phạm Quế, Phan Thuần đem thủ hạ khoảng 50 người cầm đao côn đến huyện đường kháng cự với lực lượng đàn áp. Ngoài ra, toán võ sĩ còn thi hành bản án tử hình đối với thường dân đã tham tiền làm do thám hay chỉ điểm cho giặc, như trường hợp nịch sát tên thợ Cẩn để làm gương.

Khoảng năm 1920, cả hai tỉnh Bình định và Phú yên mất ăn mất ngủ vì nạn cướp Dư Đành. Võ sĩ các phủ, huyện Bình Khê, An nhơn, Tuy phước, Phù cát được quan tỉnh điều động vào việc bắt cướp. Dư Đành người làng Kiên ngãi, xã Bình thành huyện Bình Khê, giỏi võ nghệ và có sức mạnh phi thường. Hắn có thể kẹp nách một con bò nghé, nhẹ nhàng như bồng một đứa bé. Người đương thời ví Dư Đành "sức đương Hạng Võ, mạnh kinh Trương Phi". Dư Đành cầm đầu một toán cướp 11 tên. Hựu (quân sư), Phi, Cao, Đen... toàn là những tên cướp tên tuổi. Chỉ có tay roi Hồ Ngạnh ở Thuận truyền là Dư Đành né tránh, còn Bảy Lụt cũng là một tay quyền nổi tiếng ở An vinh, bị Dư Đành và đồng bọn phục kích đánh bất tỉnh để cảnh cáo làng võ đang tìm bắt chúng:

Dư Đảng sức mạnh quá trâu
Vùng lên đánh ngã cả xâu triều đình
(Ca dao)

Triều đình khiển trách quan tỉnh, tỉnh nạt xuống huyện. Quan huyện đổ cẩu trút lên đầu làng xã. Khổ cho đám dân đình phải canh phòng nghiêm ngặt suốt ngày đêm, lưng sục khắp hang cùng ngõ hẻm mà vẫn không tìm ra tung tích bọn cướp. Tình cờ, Dư Đảng bị bắt ở vùng Dương an, huyện Tuy phước, lúc đang ngủ say dưới lòng tảng đá hàm ếch, thuộc núi Phước an. Người ta phải lập thể dùng ba khúc danh mộc "Kiềng kiềng ba khúc cán ngay yết hầu" (về Dư Đảng) và có súng bắn thị uy, Dư Đảng mới chịu bó tay. Xét cho cùng, thời kỳ trung hưng đã trải dài trên nửa thế kỷ, nhưng làng võ Bình định không thể có lại cảnh huy hoàng rực rỡ như thời Tây Sơn. Tuy vậy võ học Bình định thời kỳ này cũng đã phục hưng được ý hướng tốt đẹp là dạy võ, học võ để ứng thí, cứu nước và giúp đời.

THỜI KỲ NGOẠI NHẬP (1924-1945)

Từ xưa Bình định đã có câu truyền tụng: "Roi Thuận truyền, quyền An vinh", và "Trai An thái, gái An vinh" là những địa danh thuộc tỉnh, đã phát tích những dòng võ nổi tiếng và nổi nghiệp cho đến bây giờ. Thôn Thuận truyền thuộc xã Bình thuận, quận Bình Khê. Thôn An vinh thuộc xã Bình an, cùng huyện. Còn An thái xưa là một thị tứ, nằm trong thôn Mỹ thanh, xã Nhơn phúc, huyện An Nhơn. "Roi Thuận truyền" trước xa nữa không rõ ông tổ là ai, nhưng đến đời ông Ba Đề thì truyền cho Hồ Ngạnh. Hồ Nhu là tên thật của Hồ Ngạnh, sinh năm 1891, mất năm 1976, thọ 85 tuổi. Ông nguyên quán thôn Háo ngãi, xã Bình an, huyện Bình Khê, trú quán ở Thuận truyền, xã Bình thuận cùng huyện. Cha là ông Đốc Năm, một võ quan của triều Nguyễn. Mẹ cũng là con nhà võ. Ngay từ lúc bé, ông đã được cha mẹ dạy võ gia truyền. Lớn lên, ông học roi của cao sư Ba Đề, học nội công của ông Đội Sẻ, tiếp đến học roi của ông Hồ Khiêm. Đường roi kết hợp tinh hoa của nhiều thầy, lại thêm nội công nên cứng cáp và sâu hiểm vô cùng. Từ roi thế, roi đầu, roi chiến đến roi trận, ông đều tinh thông và độc đáo. Khoảng năm 1932, tiếng tăm ông đã vang dội khắp bốn tỉnh Nam, Ngãi, Bình, Phú. Nghe danh, học trò đến thọ giáo rất đông. Con trai chết sớm, ông truyền nghề cho cháu nội, nay là võ sĩ Hồ Sùng. Học trò lớp lớn có ông Mười Mỹ (sinh năm 1912) ở Trường úc xã Phước nghĩa huyện Tuy phước được riêng dạy ngón độc chiêu bí truyền. Học trò lớp sau có Đinh Văn Tuấn ở Qui Nhơn, đang độ sung sức, nổi nghiệp làm về vang cho lò võ Thuận truyền. "Quyền An vinh" có từ lâu, nhưng cũng chỉ biết từ đời ông Hương mục Ngạc. Lò võ này còn có ông Năm Nghĩa, cũng là bạn đồng môn đồng khóa, nhưng sau lại chuyên về roi. Hương mục Ngạc học quyền Bình định rồi học thêm quyền Tàu của ông Khách Bút. Sở dĩ ông nổi tiếng là nhờ tổng hợp được nhiều nguồn võ khác nhau, tạo nên tay quyền xuất sắc nhất trong làng võ Bình định đương thời. Ông có ba người con là Bảy Lụt, Tám Càng (nữ) và Chín Giác đều tinh thông võ nghệ. Ông dạy nhiều học trò, có người nổi tiếng như Hai Tửu. Bảy Lụt chẳng những xuất sắc về võ thuật mà còn gan dạ và có sức mạnh đáng kể, với tay không có thể vật ngã một con trâu đực đang sung sức. Bảy Lụt truyền nghề cho Phan Thọ. Sau này Phan Thọ còn học thêm võ trận Tây Sơn với ông Sáu Hà nên đã tiếp thu được cả tinh hoa quyền An vinh từ mạch võ Hương mục Ngạc lẫn võ chiến của Tây Sơn. Hiện nay lò võ Phan Thọ ở thôn Thủ thiện huyện Bình Khê vẫn đông học trò dù ông nay đã vào tuổi thất tuần. An thái cũng có những dòng võ nổi tiếng mà câu ca dao nói đến Hội Đổ Giàn tại chùa Bà ở vùng này đã đề cập:

*Tiếng đồn An thái, Bình Khê
Nhiều tay võ sĩ có nghề tranh heo*

Nhưng đến năm 1924, một biến cố xảy đến cho làng võ Bình định nói chung và dòng võ truyền thống của làng An thái nói riêng. Đó là sự xuất hiện của môn phái quyền Tàu. Người sáng lập ra môn phái này là ông Tàu Sáu, tên thật là Diệp Trường Phát, sinh năm 1896 tại An thái. Tuy là người Tàu nhưng dòng dõi ba đời đều ở An thái, bà nội và mẹ ông đều là người Việt. Ở quê mẹ, gia đình và bản thân Tàu Sáu đã hấp thụ tinh thần thượng võ nên khi được 13 tuổi, ông được gửi về Tàu để học võ từ những cao sư Bắc phái Thiếu lâm. Sau 15 năm ròng rã tầm sư học võ, ông Tàu Sáu lúc bấy giờ đã 28 tuổi, trở lại An thái, mở trường dạy quyền Tàu, sở trường hai môn Hồ quyền và Long quyền. Ông dạy võ gần 50 năm, môn đệ rất đông, không bao lâu phái quyền Tàu Thiếu lâm của ông đã rải khắp miền đất võ và riêng ở An thái, võ quyền truyền thống đã bị quyền Tàu lấn át làm lu mờ. Có người vì thế sửa lại câu truyền tụng từ xưa ra "roi Thuận truyền, quyền An thái".

Dân Bình định đến với lò võ Tàu Sáu, có người vì xuất thân chuyên về quyền Tàu như Đào Hoành, Hải Sơn; có người chỉ để bổ túc cho tay roi võ truyền thống được cứng cáp thêm như Mười Mỹ.

Trong thời kỳ này, ngoài võ Thiếu lâm của Tàu Sáu còn có võ Thái cực đạo, võ quyền Anh cũng xâm nhập làng võ Bình định và được người Pháp nâng đỡ để giảm bớt ảnh hưởng của võ truyền thống. Chính phủ Bảo hộ thường tổ chức những cuộc đấu võ đài đến chết mới thôi. Cảnh tượng ghê rợn, trên đài có một cỗ quan tài để sẵn. Các lò võ cố luyện cho gà nhà những cú đánh tàn bạo, độc hiểm để thủ thắng càng nhanh càng tốt, vì thế gây nên sự thù hằn, hiềm khích giữa các lò võ. Đó chính là mục đích "chia để trị" của thực dân. Tuy nhiên vẫn có những nhà võ ý thức được điều đó. Họ khước từ những cuộc thách thức tranh tài, chỉ đóng cửa truyền võ để khỏi mất dòng và để tự vệ.

THỜI KỲ TRẦM LẶNG (1945 đến nay)

Cuộc chiến kéo dài 30 năm với vũ khí tối tân; côn, quyền, gươm, giáo không còn tính cách quyết định cho cuộc chiến nữa. Số người học võ để đi thi đã chấm dứt từ lâu. Học võ để phòng cướp hay làm mưa làm gió như Du Đảng cũng không còn. Hội Đồ giàn, tục Tranh Heo đã mai một từ khi khói lửa lan tràn. Số người học võ tuy dần dần giảm bớt nhưng tinh thần thượng võ đã trở lại với ý nghĩa chân chính.

Trong ý nghĩa tìm về cội nguồn, tưởng nhớ đến người sáng lập võ Tây Sơn, năm 1960, nhân dân toàn quận Bình Khê đã chung sức lập xong đền thờ Tam Kiệt Tây Sơn tại nền đình cũ đã bị phá hủy thời Việt minh. Nguyên khuôn viên ấy là vườn nhà của gia đình ba anh em Tây Sơn. Vua Thái Đức (Nguyễn Nhạc) lên ngôi, cho xây dựng thành một nhà từ đường khang trang. Khi Gia Long diệt Tây Sơn, ra lệnh san phẳng ngôi nhà. Sau dân làng lập ngôi đình làng Kiên mỹ tại đó và bí mật thờ Tam Kiệt Tây Sơn.

Đền thờ Tây Sơn có ba gian. Gian giữa thờ Quang Trung Hoàng đế. Hai gian bên thờ vua Thái Đức và Đông Định vương Nguyễn Lữ. Trước sân đền đặt tượng bán thân của vua Quang Trung và dựng bia ca tụng ngài.

Cũng từ năm 1960, hằng năm cứ vào ngày mừng 5 Tết Nguyên đán, tỉnh Bình định lại tổ chức trọng thể lễ Đống Đa. Trong ngày lễ hội có biểu diễn võ trận và trống trận Tây Sơn. Người xem hội từ các nơi đổ về đông nghịt đường.

Năm 1972, hội Võ thuật Bình định được thành lập, thành phần sáng lập viên gồm có: các võ sư Hà Trọng Sơn, Huỳnh Liễu, Lý Xuân Tạo, Nguyễn Nghè, Nguyễn Thông, Nguyễn văn Thành, Thanh Hoàng, Thành Nở, Xuân Sơn Quảng và ba huấn luyện viên là Lý Thành Nhân, Nguyễn Thành Công, Xuân Trường Tịnh. Thanh Hoàng có tên thật là Nguyễn Bính, sinh năm 1935, người thôn An phú xã Phước lộc, huyện Tuy phước được bầu làm Tổng thư ký. Tôn chỉ của hội là bảo tồn và phát triển võ Bình định. Hoan nghênh các phái võ khác hội nhập vào làng võ Bình định làm phong phú thêm cho nền võ học tỉnh nhà; nhưng cương quyết ngăn chặn các môn võ ngoại lai đang muốn đồng hóa võ truyền thống.

Một điều quan trọng là từ năm 1972 hội võ thuật Bình định được thành lập với đầy đủ các môn võ của Bình định. Trước đó chỉ có Phân cuộc Quyền thuật Bình định được thành lập mà thôi và trực thuộc vào Tổng cục Quyền thuật Sài Gòn.

Lại nữa, võ Bình định cũng được phổ biến rộng rãi qua các võ đường ở Sài gòn và các tỉnh, như võ đường Sa Long Cương ở Sài gòn do sư trưởng Trương Thanh Đăng người Bình định tổ chức, dạy cả võ Bình định lẫn võ Thiếu lâm.

Thời kỳ này có những nhà sư nổi tiếng về võ Bình định như thượng tọa Bửu Thắng, tuổi ngoài 80, trụ trì chùa Quang Hoa huyện Tuy phước, là tay roi chiến thượng thặng; sư Hạnh Hòa, khoảng ngũ tuần, trụ trì chùa Long phước, huyện Tuy phước, một tay võ danh tiếng; sư chú Vạn Thanh, 30 tuổi, cũng ở chùa Long phước, tay roi tay đao đang thời kỳ sung sức.

Vào đầu thập niên 1970, một ngôi sao lóe sáng trên vòm trời võ học Bình định: nữ võ sĩ Thanh Tùng của miền sông Côn. Chưa ai thấy cô thắng trên võ đài hay từng tranh tài cao thấp với ai, người ta chỉ thấy Thanh Tùng ở điện thờ Quang Trung dịp lễ Đống Đa biểu diễn các bài quyền như Lão Mai Độc Thọ hay bài roi như Tấn Nhất Ô Du là đã đủ khiếp.

Xét cho cùng, điều ấy là lẽ dĩ nhiên. Thanh Tùng là con nhà võ, đời đời nổi nghiệp và thừa hưởng các ngón bí truyền của một dòng võ cao thủ. Ông nội của Thanh Tùng là một tay roi quý khiếp thần kinh, người đồng thời và xứng tài với Hồ Nganh. Thân sinh cô vẫn nổi nghiệp nhà, giữ vai trò đứng đầu hàng võ tại địa phương. Rồi đến Thanh Tùng, tuy là gái, cô vẫn tiếp nối thừa hưởng tinh hoa của con nhà võ.

Học võ thì phải học luôn cả thuốc võ để tự chữa trị những chấn thương do đánh võ gây nên. Tuy nhiên trong trường hợp thương tích quá nặng thì phải tìm đến các thầy thuốc võ chuyên môn. Họ cũng trong đội

ngũ làng võ Bình định, vì phải xuất thân từ những lò võ danh tiếng mới học được các bài thuốc bí truyền. Một số danh sư về thuốc võ như : võ sư Hồ Ngạnh, Hoà thượng Huyền Ân trụ trì chùa Bích Liên huyện An Nhơn, Lê văn Chương ở thị trấn Bình định, Minh Tân Phạm Hà Hải ở Qui Nhơn... tiếc rằng Hồ Ngạnh và sư Bích Liên đã qua đời, nhưng trong làng thuốc võ Bình định còn biết bao danh sư khác nối tiếp được chân truyền.

Ngày nay, lớp người trên dưới 60 tuổi đang giữ vai trò nòng cốt cho làng võ Bình định, tuy không nhiều nhưng rải khắp nơi trong tỉnh. Ở Qui Nhơn có Đinh văn Tuấn, tác giả cuốn Võ thuật Cổ truyền Bình định; Kim Đình gốc người Hoài Nhơn; Nguyễn Lê Thanh. Ở Bình Khê có Hồ Sừng (cháu nội Hồ Ngạnh), Phạm Thi, Phi Long. Huyện Tuy Phước có Thanh Hoàng (cựu Tổng thư ký hội Võ thuật Bình định) ở Cầu Gành, Hồng Khanh, Minh Tinh (con võ sư Xã Hào) ở Trường úc, Đào văn Thanh ở Phước thuận và Trần Can ở ngã ba Diêu trì, cả hai đều thuộc mạch võ của Hà Trọng Sơn; nhà chùa thì có các sư Hạnh Hòa, Vạn Thanh ở chùa Long Phước, huyện An Nhơn có Lý Thành Nhân (con võ sư Lý Xuân Tạo) ở Đập Đá, Vũ Lê Cang. Huyện Phù cát có võ sư Trần Diễn. Và các huyện phía bắc là Phù Mỹ có Kim Hòa, ở Hoài Nhơn có Nguyễn văn Chúc, Nguyễn Thành Tín...

Mạch võ Bình định như một dòng sông, lúc uốn khúc, lúc bằng phẳng, khi voi khi đầy, nhưng với khí thế của đất trời "ba dòng sông chảy, ba dãy non cao, biển đông sóng vỗ dạt dào, tháp kia làm bút ghi tiếng anh hào vào mây xanh", dòng chảy ấy không bao giờ dứt.

Đào Đức Chương
Giai phẩm Xuân TÂY SƠN Mậu Dần 1998